TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 3 – 2022
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

2. Ông Ngô Văn Khon.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Sóc Trăng. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp F, xã G, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:*

Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 25/6/2010, tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Trước khi kết hôn anh chị có quen biết, tìm hiểu nhau. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Thời gian đầu sau khi đám cưới chị A và anh B chung sống với nhau hạnh phúc. Khoảng năm 2017, chị A và anh B xảy ra mâu thuẫn do anh B tham gia tệ

nạn xã hội (cờ bạc), chị A khuyên ngăn nhiều lần nhưng không được. Đến năm 2019, chị A và anh B ly thân, không sống chung với nhau nữa. Sau khi ly thân, anh B sống chung với người phụ nữ khác như vợ chồng. Từ khi ly thân đến nay, chị A và anh B không có hàn gắn với nhau. Hiện nay, chị A không còn tình cảm với anh B, không muốn hàn gắn để đoàn tụ.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn B có 01 con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày 24/12/2010. Hiện nay cháu K đang sống với chị A tại ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Sóc Trăng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Nguyễn Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị A yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trọng K, sinh ngày 24/12/2010 đến khi cháu thành niên, không yêu cầu anh Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn* B *trình bày:*

Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 25/6/2010, tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Trước khi kết hôn anh chị có quen biết, tìm hiểu nhau. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Thời gian đầu sau khi kết hôn, chị A và anh B chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2017, chị A và anh B xảy ra nhiều mâu thuẫn, do chị A nghi ngờ anh ngoại tình. Hiện nay, anh B không còn tình cảm với chị A, không muốn hàn gắn để đoàn tụ.

Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn B có 01 con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày 24/12/2010. Hiện nay cháu K đang sống với chị A tại ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Sóc Trăng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh Nguyễn Văn B có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị A.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn B thống nhất giao cháu Nguyễn Trọng K, sinh ngày 24/12/2010 cho chị Nguyễn Thị A được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên. Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Nguyễn Thị A không yêu cầu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện

đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn B.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị A (bản chính).

- Đơn xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (bản chính).

- Trích lục khai sinh cháu Nguyễn Trọng K (bản sao).

- Chứng minh nhân dân, hộ khẩu chị A (bản sao).

- Trích lục kết hôn (bản sao).

- Bản khai ngày 10/3/2022 của cháu Nguyễn Trọng K (bản chính).

- Biên bản lấy lời khai của chị Nguyễn Thị A (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn B cư trú tại ấp F, xã G, huyện H, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn B đăng ký kết hôn vào ngày 25/6/2010, tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Việc anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn. Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn B là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn B xác định: Trong thời gian anh chị chung sống với nhau anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn B thuận tình ly hôn. Vì vậy, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn B là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn B thống nhất giao cháu Nguyễn Trọng K, sinh ngày 24/12/2010 cho chị Nguyễn Thị A nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên, chị Nguyễn Thị A không yêu cầu anh Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi con. Nên công nhận sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn B xác định anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn B.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Nguyễn Trọng K, sinh ngày 24/12/2010 cho chị Nguyễn Thị A được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên. Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Nguyễn Thị A không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001395 ngày 10/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Chị Nguyễn Thị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn B không phải chịu án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND thị trấn H;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bạch Phiến